

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch điều tra thống kê năm 2018 của Tổng cục Thống kê

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Căn cứ Luật thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 97/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 54/2010/QĐ-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Quyết định số 65/2013/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Điểm a Khoản 1 Điều 3 Quyết định số 54/2010/QĐ-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 43/2016/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Phương pháp chế độ Thống kê và Công nghệ thông tin,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch điều tra thống kê năm 2018 của Tổng cục Thống kê.

Điều 2. Nhiệm vụ của các đơn vị:

1. Vụ chủ trì tổ chức điều tra chủ động phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng phương án điều tra và gửi Vụ Phương pháp chế độ Thống kê và Công nghệ thông tin trước ngày 30 tháng 6 năm 2017;

2. Vụ Phương pháp chế độ Thống kê và Công nghệ thông tin chủ trì thẩm định phương án điều tra bao gồm cả nội dung xử lý thông tin; kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các công việc của Kế hoạch điều tra thống kê năm 2018 của Tổng cục Thống kê;



3. Vụ Kế hoạch tài chính phối hợp với các đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì tổ chức điều tra và Vụ Phương pháp chế độ Thống kê và Công nghệ thông tin lập dự toán kinh phí theo chế độ tài chính của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Vụ trưởng Vụ Phương pháp chế độ Thống kê và Công nghệ thông tin, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch tài chính, Chánh Văn phòng Tổng cục và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo TCTK;
- Lưu: VT, PPCĐ. (88)



Nguyễn Bích Lâm

KẾ HOẠCH ĐIỀU TRA THỐNG KÊ NĂM 2018 CỦA TỔNG CỤC THỐNG KÊ
(Theo Quyết định số 476/QĐ-TCTK ngày 23/5/2017 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê về việc ban hành kế hoạch điều tra thống kê năm 2018)



TT	Tên đơn vị chủ trì tổ chức và tên cuộc điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Tần suất điều tra	Phạm vi số liệu tổng hợp, suy rộng
A. ĐIỀU TRA THÁNG				
Vụ Thống kê Dân số và Lao động				
1	Điều tra lao động và việc làm năm 2018	Nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ; Hộ dân cư	Tháng	Số liệu báo đảm mức độ đại diện theo quý cho cấp vùng, TP Hà Nội, TP Hồ Chí Minh và theo năm cho cấp tỉnh
Vụ Thống kê Công nghiệp				
2	Điều tra ngành công nghiệp	Doanh nghiệp hạch toán kinh tế độc lập; Đơn vị cơ sở trực thuộc doanh nghiệp và các cơ sở cá thể có hoạt động sản xuất công nghiệp	Tháng	Toàn quốc, cấp tỉnh và ngành công nghiệp cấp I, cấp II, cấp IV, sản phẩm công nghiệp chủ yếu
Vụ Thống kê Thương mại và Dịch vụ				
3	Điều tra bán buôn, bán lẻ hàng hóa	Doanh nghiệp, hợp tác xã và cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể có hoạt động bán buôn, bán lẻ hàng hóa, sửa chữa ô tô xe máy và xe có động cơ khác	Tháng	Cấp tỉnh và toàn quốc
4	Điều tra dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch và dịch vụ khác	Doanh nghiệp, hợp tác xã và cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể kinh doanh dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch, dịch vụ hành chính và hỗ trợ, kinh doanh bất động sản, viễn thông, lập trình máy vi tính và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính, dịch vụ thông tin, dịch vụ khác	Tháng, Quý	Cấp tỉnh và toàn quốc
5	Điều tra hoạt động vận tải, kho bãi	Doanh nghiệp, hợp tác xã và cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể kinh doanh vận tải hàng hóa, hành khách, bốc xếp, kho bãi, đại lý và dịch vụ khác hỗ trợ cho vận tải thuộc tất cả các ngành đường	Tháng	Cấp tỉnh và toàn quốc
Vụ Thống kê Giá				
6	Điều tra giá tiêu dùng (CPI)	Các mặt hàng và dịch vụ đại diện; Sạp hàng, quầy hàng, điểm bán hàng (chuyên bán lẻ), cơ sở kinh doanh dịch vụ, cơ quan trường học, cơ sở khám chữa bệnh	3 lần/tháng	Thành thị, nông thôn, cấp tỉnh, cấp vùng và toàn quốc

B. ĐIỀU TRA QUÝ**Vụ Thống kê Xây dựng và Vốn đầu tư**

7	Điều tra vốn đầu tư thực hiện	<p>Điều tra Quý: Dự án/công trình của doanh nghiệp, của đơn vị sự nghiệp hoặc thuộc các tổ chức tư nhân đang trong quá trình đầu tư chưa sản xuất kinh doanh hoặc đã đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh có đầu tư trong kỳ điều tra, Trang trại thực hiện đầu tư trong kỳ điều tra, hộ dân cư có đầu tư sản xuất kinh doanh và xây dựng nhà ở trong kỳ điều tra; Doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, tổ chức tư nhân, trang trại, hộ dân cư.</p> <p>Điều tra năm: Dự án/công trình của bộ ngành, UBND các cấp; Dự án/công trình của doanh nghiệp, hợp tác xã đang trong quá trình đầu tư chưa đi vào SXKD hoặc đã đi vào SXKD có đầu tư trong kỳ; Dự án/công trình của đơn vị sự nghiệp công lập, ngoài công lập, tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp, cơ sở tôn giáo tín ngưỡng, các tổ chức tư nhân, trang trại, hộ dân cư có đầu tư; các khoản chi thường xuyên có tính chất đầu tư của bộ, ngành và địa phương. Ban quản lý dự án/công trình, chủ đầu tư, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, cơ sở tôn giáo tín ngưỡng, tổ chức tư nhân, trang trại, hộ dân cư, UBND cấp xã, sở tài chính, đơn vị phụ trách công tác thống kê của bộ ngành.</p>	Quý, Năm	Cấp tỉnh và toàn quốc
8	Điều tra hoạt động xây dựng	Doanh nghiệp có hoạt động xây dựng; UBND xã/phường/thị trấn có đầu tư xây dựng; các công trình xây dựng do dân đóng góp và tự đầu tư xây dựng; hộ dân cư có đầu tư xây dựng	Quý, Năm	Cấp tỉnh và toàn quốc

Vụ Thống kê Giá**Điều tra giá sản xuất tính chỉ số giá theo quý, gồm:**

9	Điều tra giá nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu dùng cho sản xuất	<p>Các mặt hàng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu đại diện cho sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, công nghiệp, xây dựng;</p> <p>Các cửa hàng vật tư nông nghiệp, cửa hàng vật liệu xây dựng, Nhà máy, xí nghiệp, các cơ sở sản xuất, các cơ sở sản xuất công nghiệp sử dụng các loại nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu</p>	Tháng	Một số tỉnh, cấp vùng và toàn quốc
10	Điều tra giá sản xuất hàng hóa	<p>Các mặt hàng nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản đại diện;</p> <p>Các sản phẩm công nghiệp khai khoáng, công nghiệp chế biến, công nghiệp điện, khí đốt và nước; Cơ sở sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; nông trường, lâm trường; trạm trại; hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp; hộ dân cư, Nhà máy, xí nghiệp, cơ sở trực tiếp sản xuất ra các sản phẩm công nghiệp</p>	Tháng	Một số tỉnh, cấp vùng và toàn quốc

11	Điều tra giá sản xuất dịch vụ	Các sản phẩm dịch vụ đại diện; Đơn vị, cơ sở trực tiếp sản xuất ra các sản phẩm dịch vụ	Tháng	Một số tỉnh, cấp vùng và toàn quốc
12	Điều tra giá bất động sản	Các loại bất động sản là nhà ở, đất nền, văn phòng cho thuê đại diện trên thị trường; Các loại dịch vụ tư vấn, môi giới, quản lý bất động sản; Các công ty kinh doanh bất động sản và dịch vụ bất động sản; các sàn giao dịch bất động sản; Các cơ quan quản lý, theo dõi giao dịch thị trường bất động sản	Tháng	Một số tỉnh, cấp vùng và toàn quốc
13	Điều tra giá tiền lương	Tiền lương theo ngành nghề, công việc; Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp FDI	Quý	Một số tỉnh, cấp vùng và toàn quốc
14	Điều tra giá xuất khẩu, nhập khẩu	Các mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu đại diện; Doanh nghiệp kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa	Tháng	Một số tỉnh và toàn quốc

C. ĐIỀU TRA NĂM

Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản

15	Điều tra diện tích gieo trồng các loại cây nông nghiệp	Diện tích gieo trồng thực tế các loại cây nông nghiệp hàng năm và cây lâu năm; Thôn (ấp, bản), khu phố, tiểu khu (có tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm từ 30 ha trên một vụ hoặc cây lâu năm từ 30 ha trở lên), xã (phường, thị trấn) có trồng cây vụ đông, (HTX, hộ/trang trại, các tổ chức khác) có trồng cây nông nghiệp trong kỳ		Cấp huyện, cấp tỉnh và toàn quốc
	Cây hàng năm		Vụ	
	Vụ Đông	Diện tích gieo trồng cây hàng năm vụ Đông; Xã, phường, thị trấn có gieo trồng cây vụ Đông trong vụ điều tra		Cấp huyện, cấp tỉnh và toàn quốc
	Vụ Đông xuân	Diện tích gieo trồng cây hàng năm vụ Đông xuân; Thôn (ấp, bản) có gieo trồng cây hàng năm, khu phố, tiểu khu có gieo trồng cây hàng năm từ 30 ha/vụ trở lên		Cấp huyện, cấp tỉnh và toàn quốc
	Vụ Hè thu	Diện tích gieo trồng cây hàng năm vụ Hè thu; Thôn (ấp, bản) có gieo trồng cây hàng năm, khu phố, tiểu khu có gieo trồng cây hàng năm từ 30 ha/vụ trở lên		Cấp huyện, cấp tỉnh và toàn quốc
	Vụ Thu đông	Diện tích gieo trồng cây hàng năm vụ Thu đông; Thôn (ấp, bản) có gieo trồng cây lúa (các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long)		Cấp huyện, cấp tỉnh và toàn quốc
	Vụ Mùa	Diện tích gieo trồng cây hàng năm vụ Mùa; Thôn (ấp, bản) có gieo trồng cây hàng năm, khu phố, tiểu khu có gieo trồng cây hàng năm từ 30 ha/vụ trở lên		Cấp huyện, cấp tỉnh và toàn quốc
	Cây lâu năm	Diện tích gieo trồng cây lâu năm; Thôn (ấp, bản) có gieo trồng cây lâu năm; khu phố, tiểu khu có gieo trồng cây lâu năm từ 30 ha trở lên	Năm	Cấp huyện, cấp tỉnh và toàn quốc

16	Điều tra năng suất, sản lượng cây hàng năm	Các loại cây hàng năm; Hộ, trang trại, doanh nghiệp, HTX có gieo trồng và thu hoạch cây trồng cây hàng năm	Vụ	
	Cây lúa	Năng suất, sản lượng cây lúa; Hộ thực tế có gieo trồng lúa tại địa bàn điều tra		Cấp huyện, cấp tỉnh và toàn quốc
	Vụ Đông xuân			
	Vụ Hè thu			
	Vụ Thu đông			
	Vụ Mùa			
	Cây hàng năm khác	Năng suất, sản lượng cây hàng năm khác; Hộ, doanh nghiệp, HTX có thực tế gieo trồng cây vụ đông và cây hàng năm khác tại địa bàn vụ điều tra.		Cấp huyện, cấp tỉnh và toàn quốc
	Vụ Đông			
	Vụ Đông xuân			
	Vụ Hè thu, Mùa			
17	Điều tra năng suất sản lượng cây lâu năm	Các loại cây lâu năm; Hộ, trang trại, doanh nghiệp, HTX thực tế trồng và thu hoạch sản phẩm cây lâu năm khác tại địa bàn điều tra	Năm	
	Điều tra năng suất, sản lượng cây lâu năm trọng điểm	Năng suất, sản lượng cây lâu năm trọng điểm; Hộ, doanh nghiệp, HTX, thực tế trồng và thu hoạch sản phẩm cây lâu năm trọng điểm trong năm		Cấp huyện, cấp tỉnh và toàn quốc
	Điều tra năng suất, sản lượng cây lâu năm khác	Năng suất, sản lượng cây lâu năm khác; Hộ, doanh nghiệp, HTX, thực tế trồng và thu hoạch sản phẩm cây lâu năm khác còn lại trong năm		Cấp huyện, cấp tỉnh và toàn quốc
18	Điều tra chăn nuôi		Quý	
	Điều tra chăn nuôi 01/01	Lợn và gia cầm; Doanh nghiệp, HTX, trang trại, gia trại và hộ thực tế có chăn nuôi lợn và gia cầm trong kỳ điều tra		Cấp tỉnh và toàn quốc
	Điều tra chăn nuôi 01/4	Lợn và gia cầm; Doanh nghiệp, HTX, trang trại, gia trại và hộ thực tế có chăn nuôi lợn và gia cầm trong kỳ điều tra		Cấp huyện, cấp tỉnh và toàn quốc
	Điều tra chăn nuôi 01/7	Lợn và gia cầm; Doanh nghiệp, HTX, trang trại, gia trại và hộ thực tế có chăn nuôi lợn và gia cầm trong kỳ điều tra		Cấp tỉnh và toàn quốc
	Điều tra chăn nuôi.01/10	Gia súc, gia cầm và vật nuôi khác; Thôn (ấp, bản), doanh nghiệp, HTX, trang trại, gia trại và hộ thực tế có chăn nuôi gia súc, gia cầm và vật nuôi khác trong kỳ điều tra		Cấp huyện, cấp tỉnh và toàn quốc
19	Điều tra thủy sản			
	Điều tra khai thác thủy sản biển	Sản phẩm thủy sản thu được từ khai thác biển bằng tàu, thuyền có động cơ của các tỉnh có biển; Tàu, thuyền có động cơ tham khai thác biển trong kỳ điều tra	Tháng (công bố hàng Quý)	Cấp tỉnh và toàn quốc

	Điều tra nuôi trồng thủy sản		Năm	
	Điều tra thủy sản 01/5	Các loại thủy sản nuôi được từ nuôi trồng mặn lợ vùng ven biển, nuôi trồng vùng Đồng bằng sông Cửu Long, tàu thuyền khai thác thủy sản biển có động cơ; Xã, phường, thị trấn, thôn (ấp, bản), doanh nghiệp, HTX, trang trại và hộ thuộc các vùng ven biển và vùng Đồng bằng sông Cửu Long có hoạt động nuôi trồng thủy sản và khai thác thủy sản biển bằng tàu thuyền có động cơ trong kỳ điều tra		Cấp tỉnh và toàn quốc
	Điều tra thủy sản 01/11	Các loại thủy sản thu được từ nuôi trồng và khai thác thủy sản, tàu thuyền khai thác thủy sản; Xã, phường, thị trấn, thôn (ấp, bản), doanh nghiệp, HTX, trang trại và hộ có hoạt động nuôi trồng thủy sản, khai thác thủy sản.		Cấp tỉnh và toàn quốc
20	Điều tra lâm nghiệp	Diện tích rừng trồng mới tập trung, diện tích rừng trồng được chăm sóc, diện tích rừng được khoanh nuôi, tái sinh, diện tích rừng được giao khoán bảo vệ, giống cây lâm nghiệp, cây lâm nghiệp trồng phân tán, gỗ và lâm sản ngoài gỗ khai thác từ rừng, các sản phẩm khác thu nhập từ rừng; UBND xã, phường, thị trấn nơi có rừng; Doanh nghiệp, hợp tác xã, trang trại, các tổ chức khác có hoạt động trong lĩnh vực lâm nghiệp và các hộ gia đình cá nhân có sản xuất lâm nghiệp	Năm	Một số tỉnh, cấp vùng và toàn quốc
Vụ Thống kê Công nghiệp				
21	Điều tra doanh nghiệp	Văn phòng Tập đoàn, văn phòng Tổng công ty, doanh nghiệp hạch toán kinh tế độc lập chịu sự điều tiết bởi Luật doanh nghiệp và các đơn vị cơ sở trực thuộc doanh nghiệp; hợp tác xã; Tập đoàn, Tổng công ty hạch toán toàn ngành	Năm	Toàn quốc, cấp vùng, cấp tỉnh, ngành kinh tế, loại hình doanh nghiệp
Vụ Thống kê Xã hội và Môi trường				
22	Khảo sát mức sống dân cư Việt Nam năm 2018	Các thành viên trong hộ dân cư; Hộ dân cư và Các xã có hộ dân cư được khảo sát	Năm 4 lần	Toàn quốc, Thành thị - nông thôn, cấp vùng và cấp tỉnh và xây dựng quyền số mới phục vụ tính chỉ số giá tiêu dùng
	Lần 1		Tháng 3	
	Lần 2		Tháng 6	
	Lần 3		Tháng 9	
	Lần 4		Tháng 12	
Vụ Thống kê Dân số và Lao động				
23	Điều tra biến động dân số và kế hoạch hóa gia đình thời điểm 01 tháng 4 năm 2018	Hộ dân cư và nhân khẩu thực tế thường trú tại địa bàn điều tra	Năm	Số liệu đại diện cho cấp tỉnh, thành thị và nông thôn, cấp vùng và toàn quốc

Vụ Thống kê Thương mại và Dịch vụ				
24	Điều tra xuất khẩu, nhập khẩu dịch vụ	Doanh nghiệp có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu dịch vụ	Năm 2 lần	Toàn quốc, một số loại dịch vụ
25	Điều tra cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể năm 2018	Cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể hoạt động trong tất cả các ngành kinh tế quốc dân (trừ ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản)	Năm	Cấp tỉnh và toàn quốc
Vụ Hệ thống tài khoản quốc gia				
26	Điều tra thu thập thông tin lập bảng cân đối liên ngành và tính hệ số chi phí trung gian	Các cơ sở kinh tế; các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp; các tổ chức xã hội, xã hội nghề nghiệp; các hộ dân cư. Bộ/ngành; doanh nghiệp; hợp tác xã; cơ quan hành chính; đơn vị sự nghiệp; hiệp hội; tổ chức tôn giáo, tín ngưỡng;... cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể; hộ sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản; hộ tiêu dùng sản phẩm vật chất và dịch vụ.	Năm	Toàn quốc, cấp vùng, thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, ngành kinh tế cấp 2
27	Điều tra thu thập thông tin tính các chỉ tiêu giá trị sản xuất và giá trị tăng thêm của các đơn vị sự nghiệp và tổ chức vô vị lợi	Các đơn vị sự nghiệp (hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ; y tế và hoạt động trợ giúp xã hội; giáo dục và đào tạo; nghệ thuật vui chơi và giải trí) và tổ chức vô vị lợi.	Năm	Toàn quốc, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, ngành kinh tế cấp 2
D. ĐIỀU TRA KHÁC				
Vụ Thống kê Dân số và Lao động				
28	Điều tra thí điểm (phục vụ Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019)	Hộ dân cư và nhân khẩu thực tế thường trú tại địa bàn điều tra trong các tỉnh được chọn điều tra thí điểm.	Năm 2 lần	Thử nghiệm nội dung điều tra, phương pháp thu thập thông tin bằng máy tính bảng,... để áp dụng cho bước Tổng điều tra chính thức.
Vụ Thống kê Công nghiệp				
29	Điều tra thu thập thông tin về đổi mới khoa học công nghệ, công nghệ thông tin và bảo vệ môi trường	Doanh nghiệp	Năm	Cấp tỉnh và toàn quốc